

Hà Nội, ngày 20 tháng 02 năm 2014

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc xuất gạo dự trữ quốc gia hỗ trợ học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn**

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18 tháng 6 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn;

Căn cứ công văn số 9767/VPCP-KGVX ngày 18/11/2013 của Văn phòng Chính phủ về việc triển khai thực hiện quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ đề nghị của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Tổng cục Dự trữ Nhà nước xuất cấp không thu tiền 25.892.945 kg gạo từ nguồn dự trữ quốc gia cho các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để hỗ trợ cho học sinh trong thời gian học kỳ II năm học 2013 – 2014 (tính từ tháng 02/2014 đến hết tháng 05/2014) theo qui định tại Quyết định số 36/2013/QĐ-TTg ngày 18/6/2013 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ gạo cho học sinh tại các trường ở khu vực có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Riêng tỉnh Đồng Nai để hỗ trợ cho học sinh trong thời gian 9 tháng (tính từ tháng 09/2013 đến hết tháng 05/2014) của năm học 2013 – 2014 (*biểu tổng hợp kèm theo Quyết định*).

**Điều 2.** Tổng cục Dự trữ Nhà nước có trách nhiệm:

1. Phối hợp với Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương tổ chức giao nhận gạo tại trung tâm huyện lỵ theo kế hoạch của Ủy ban nhân dân các tỉnh; việc giao nhận gạo bảo đảm chặt chẽ, đúng quy định của Nhà nước;

2. Tổng hợp dự toán chi phí xuất gạo hỗ trợ trình Bộ xem xét phê duyệt;

3. Ghi giảm vốn dự trữ Nhà nước số lượng gạo nói trên theo giá hạch toán đang theo dõi trên sổ kế toán và báo cáo quyết toán chi phí hỗ trợ theo đúng quy định.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, Tổng cục trưởng Tổng cục Dự trữ Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Ngân sách Nhà nước, Vụ trưởng Vụ Hành chính sự nghiệp; Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Cục trưởng Cục Quản lý giá và Chánh Văn phòng Bộ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Bộ Lao động Thương binh và Xã hội;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Ủy ban dân tộc;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Lưu: VT (2b), TCDT.

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



**Nguyễn Hữu Chí**

**BỘ TÀI CHÍNH****PHỤ LỤC**

(Ban hành kèm theo quyết định số 327/QĐ-BTC ngày 20/02/2014 của Bộ Tài chính)

ĐVT: lượng (kg)

STT	Địa phương nhận gạo (Tỉnh, Thành phố)	Số gạo hỗ trợ học sinh học kỳ II
	<b>Tổng cộng</b>	<b>25.892.945</b>
1	Hòa Bình	412.140
2	Sơn La	2.389.560
3	Điện Biên	2.383.980
4	Lai Châu	1.637.240
5	Lào Cai	1.627.860
6	Yên Bái	1.508.640
7	Hà Giang	3.351.060
8	Tuyên Quang	665.700
9	Vĩnh Phúc	89.400
10	Phú Thọ	170.910
11	Bắc Giang	7.440
12	Lạng Sơn	1.206.900
13	Bắc Cạn	523.800
14	Cao Bằng	1.529.235
15	Thái Nguyên	341.280
16	Hải Dương	12.480
17	Quảng Ninh	272.160
18	Ninh Bình	12.420
19	Thanh Hóa	1.185.450
20	Nghệ An	939.960
21	Hà Tĩnh	263.460
22	Quảng Trị	203.160
23	Quảng Bình	204.000
24	Thừa Thiên Huế	70.020
25	Quảng Nam	659.160
26	Quảng Ngãi	717.480
27	Bình Định	124.980
28	Ninh Thuận	110.520
29	Bình Thuận	11.235
30	Phú Yên	54.600

31	Khánh Hòa	116.700
32	Gia Lai	605.340
33	Kon Tum	1.031.940
34	Lâm Đồng	316.260
35	Đắk Lắk	204.585
36	Đắk Nông	244.020
37	Bình Phước	127.260
38	Tây Ninh	780
39	Long An	138.480
40	Bà Rịa - Vũng Tàu	21.540
41	Đồng Nai	28.890
42	Trà Vinh	117.540
43	Cà Mau	24.000
44	Bạc Liêu	58.680
45	Sóc Trăng	54.540
46	Kiên Giang	116.160

*mlh*